TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2020
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam

2. Bà Nguyễn Thị Kim Huế

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ liên lạc: xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*.

2. *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Minh Đ**, sinh năm 1985. Nơi cư trú: đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Tháng 4/2009, bà và ông Nguyễn Minh Đ tổ chức lễ cưới, sau khi sinh con chung Nguyễn Thị Mộng T thì đến ngày 16/3/2010 thì cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41. Sau khi kết hôn, khoảng thời gian 02 năm đầu cả hai chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, cách làm kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên

tranh cải và xúc phạm nhau; ông Đ hay uống rượu, cờ bạc và đánh đập bà; hai bên gia đình nội ngoại đã nhiều lần giúp vợ chồng hòa giải nhưng không có kết quả. Tình trạng mâu thuẫn này kéo dài hiện nay bà đã dọn ra ngoài thuê nhà trọ sống và ly thân với ông Đ từ tháng 12/2019, bà không còn tình cảm với ông Đ, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Thị Mộng T sinh ngày 16/02/2010, Nguyễn Văn Âsinh ngày 20/6/2011, Nguyễn Hoàng Bảo A sinh ngày 06/10/2013 và Nguyễn Ngọc Kỳ D sinh ngày 01/7/2017; hiện các cháu T, Â, A đang sống với ông Đ còn cháu D đang sống với bà. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu D; bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Trong quá trình xét xử bị đơn ông Nguyễn Minh Đ trình bày: Ông xác nhận việc đăng ký kết hôn như bà M trình bày là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng với nhau nhiều vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng thiếu sự chia sẻ, không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau; hiện cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Nay bà M yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì mặc dù ông không còn tình cảm với bà M nhưng do ông theo đạo thiên chúa nên không được phép ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung như bà M trình bày. Trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi bốn con chung và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con vì ông có thu nhập, nơi ở ổn định.

Về tài sản chung: Ông và bà M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho bà M được ly hôn với ông Đ vì mục đích hôn nhân không Đ; giao con chung Nguyễn Văn Â và Nguyễn Hoàng Bảo A cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Mộng T và Nguyễn Ngọc Kỳ D cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con bà M và ông Đ không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Minh Đ vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Đ hiện cư trú tại phường L, thành phố B. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông Đ là hợp pháp do hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bà M xác định cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà M ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, bản thân ông Đ cũng trình bày ông không còn tình cảm với bà M nhưng ông không đồng ý ly hôn vì lý do theo đạo thiên chúa; hơn nữa gia đình hai bên đương sự đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Thực tế qua xác minh chính quyền địa phương và người thân của vợ chồng thì bà M và ông Đ hiện đã sống ly thân hơn nữa năm. Như vậy, với thực trạng hôn nhân như trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo dài, hai bên không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, có tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích của hôn nhân cũng không Đ được. Nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[4]. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của hai bên đều chính đáng, nhưng nhận thấy trong thời gian vợ chồng ly thân ông Đ là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung Nguyễn Thị Mộng T, Nguyễn Văn Ân, Nguyễn Hoàng Bảo A, mặc dù cháu T và cháu Â có nguyện vọng ở với mẹ nhưng hiện bà M không có nơi ở ổn định và đang ở nhà trọ sinh sống tại huyện Bảo Lâm, trong khi đó cháu T đang theo học ổn định hơn bốn năm tại một trường tiểu học ở thành phố Bảo Lộc; nên để tránh sự xáo trộn cuộc sống cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần giao 03 con chung T, Â và A cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp. Riêng đối với con chung Nguyễn Ngọc Kỳ D, sinh ngày 01/7/2017 hiện dưới 36 tháng tuổi và bà M có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu D cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con ông Đ, bà M không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung ông Đ, bà M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung cả hai đều xác định không có nên không đề cập.

[6]. Từ những nhận định trên nên chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân:

Cho bà Nguyễn Thị Tuyết M ly hôn ông Nguyễn Minh Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao ba con chung tên Nguyễn Thị Mộng T sinh ngày 16/02/2010, Nguyễn Văn Â sinh ngày 20/6/2011 và Nguyễn Hoàng Bảo A sinh ngày 06/10/2013 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Ông Đ không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Kỳ D sinh ngày 01/7/2017 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Bà M không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0016459 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; Bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- UBND X. L, TP. B, T. Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)
Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc